

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt hồ sơ mời thầu
Gói thầu: Thuê kênh truyền Private APN phục vụ cho công tác thu thập dữ liệu công to”

GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CÔNG NGHỆ THÔNG TIN ĐIỆN LỰC MIỀN NAM

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/06/2023 của Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khoá XV thông qua tại kỳ họp thứ 5 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu, số 57/2024/QH15, ban hành ngày 29/11/2024, có hiệu lực ngày 15/01/2025;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam có hiệu lực từ ngày 01/07/2025;

Căn cứ Nghị định số 214/2024/NĐ-CP ký ngày 04/8/2025 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/BTC ngày 04/08/2025 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 117/QĐ-HĐTV ngày 20/09/2021 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Điện lực miền Nam về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty Công nghệ thông tin Điện lực miền Nam;

Căn cứ Quyết định số 141/QĐ-HĐTV ngày 16/11/2021 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Điện lực miền Nam về việc ban hành Quy định Thực hiện dự án đầu tư không có cấu phần xây dựng áp dụng trong Tổng công ty Điện lực miền Nam;

Căn cứ Quyết định số 95/QĐ-HĐTV ngày 01/6/2025 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Điện lực miền Nam về việc ban hành quy chế phân cấp quản lý giữa Hội đồng thành viên và Tổng Giám đốc trong Tổng công ty Điện lực miền Nam;

Căn cứ Quyết định số 723/QĐ-EVNSPC ngày 09/5/2022 của Tổng công ty Điện lực miền Nam về việc Ban hành quy trình thực hiện công tác quản lý dự án xây dựng trong Tổng công ty Điện lực miền Nam;

Căn cứ Quyết định số 1677/QĐ-EVN SPC ngày 01/6/2025 của Tổng công ty Điện lực miền Nam về việc ban hành quy chế phân cấp quản lý giữa Tổng giám đốc và Giám đốc các đơn vị trực thuộc trong Tổng công ty Điện lực miền Nam;

Căn cứ Quyết định số 1824/QĐ-EVNSPC ngày 17/6/2025 của Tổng công ty Điện lực miền Nam về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong “Quy chế phân cấp thẩm quyền quản lý giữa Tổng Giám đốc và Giám đốc đơn vị trực thuộc trong Tổng công ty Điện lực miền Nam” được ban hành theo Quyết định số 1677/QĐ-EVNSPC ngày 01/6/2025;

Căn cứ Thông báo số 5787/TB-EVNSPC ký ngày 12/7/2024 của Tổng công ty Điện lực miền Nam về việc thông báo kết luận của Phó Tổng Giám đốc Bùi Quốc Hoan tại phiên họp Trao đổi giải quyết đề nghị của Công ty Điện lực Bình Thuận liên quan đến công tác mua sắm phôi sim data và dịch vụ truyền dữ liệu phục vụ công tác thu thập dữ liệu đo xa, trong đó có nội dung “Giao CNTTMTN: Xây dựng và triển khai giải pháp APN cho hệ thống đo xa để đảm bảo an toàn thông tin trong công tác thu thập dữ liệu đo xa theo lộ trình phù hợp, đồng bộ với Dự án Trang bị hạ tầng công nghệ thông tin cho hệ thống thu thập và khai thác dữ liệu đo xa Giai đoạn 2 năm 2023 -2025 của EVNSPC”;

Căn cứ Quyết định số 34/QĐ-HĐTV ký ngày 24/3/2026 của Hội đồng Thành viên Tổng công ty Điện lực miền Nam về việc ban hành Quy định mua sắm trong Tổng công ty Điện lực miền Nam;

Căn cứ Quyết định số 980/QĐ-EVNSPC ký ngày 12/05/2026 của Tổng công ty Điện lực miền Nam về việc giao kế hoạch Sản xuất kinh doanh – Tài chính năm 2026 cho Công ty Công nghệ thông tin Điện lực miền Nam;

Căn cứ Quyết định số 267/QĐ-CNTTMN ký ngày 02/05/2026 của Công ty Công nghệ thông tin Điện lực miền Nam về việc phê duyệt Phương án đầu tư dự án: “Thuê kênh truyền Private APN phục vụ cho công tác thu thập dữ liệu công tơ”;

Căn cứ Quyết định số 357/QĐ-CNTTMN ký ngày 25/05/2026 của Công ty Công nghệ thông tin Điện lực miền Nam về việc phê duyệt Kế hoạch thuê: “Thuê kênh truyền Private APN phục vụ cho công tác thu thập dữ liệu công tơ”;

Căn cứ Quyết định số 408/QĐ-CNTTMN ngày 11/06/2026 của Công ty Công nghệ thông tin Điện lực miền Nam về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án “Thuê kênh truyền Private APN phục vụ cho công tác thu thập dữ liệu công tơ”;

Căn cứ Quyết định số 414/QĐ-CNTTMN ngày 11/06/2026 của Công ty Công nghệ thông tin miền Nam về việc phê duyệt dự toán gói thầu của gói thầu: “Thuê kênh truyền Private APN phục vụ cho công tác thu thập dữ liệu công tơ”;

Căn cứ Tờ trình của Tổ chuyên gia tại tờ trình ngày 08/07/2026 về việc trình thẩm định, phê duyệt hồ sơ mời thầu gói thầu: “Thuê kênh truyền Private APN phục vụ cho công tác thu thập dữ liệu công tơ”;

Căn cứ Báo cáo thẩm định số 167/TTĐ ngày 08/07/2026 của Tổ thẩm định về việc thẩm định hồ sơ mời thầu gói thầu: “Thuê kênh truyền Private APN phục vụ cho công tác thu thập dữ liệu công tơ”;

Theo đề nghị của Tổ thẩm định.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt hồ sơ mời thầu gói thầu: “Thuê kênh truyền Private APN phục vụ cho công tác thu thập dữ liệu công tơ”. (chi tiết theo phụ lục đi kèm).

Điều 2. Phòng Kế hoạch Vật tư chủ trì, phối hợp các phòng ban và các tổ chức năng có liên quan của Công ty Công nghệ thông tin Điện lực miền Nam căn cứ các nội dung đã được phê duyệt chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo E-HSMT được duyệt đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký. Phòng Kế hoạch Vật tư và các phòng ban chức năng có liên quan của Công ty Công nghệ thông tin Điện lực miền Nam chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Phòng TCKT;
- Phòng KHVT (bản giấy);
- Lưu: VT. KHVT (LienLTH.02).

GIÁM ĐỐC

Đặng Nguyên Phương

PHỤ LỤC HỒ SƠ MỜI THẦU (E-HSMT)

Gói thầu: “Thuê kênh truyền Private APN phục vụ cho công tác thu thập dữ liệu công tơ”

I. Nội dung gói thầu:

- Tên gói thầu: Thuê kênh truyền Private APN phục vụ cho công tác thu thập dữ liệu công tơ.
- Dự án: Thuê kênh truyền Private APN phục vụ cho công tác thu thập dữ liệu công tơ.
- Giá gói thầu: **2.993.100.000 VNĐ** (đã bao gồm thuế VAT)
(Số tiền bằng chữ: Hai tỷ, chín trăm chín mươi ba triệu, một trăm ngàn đồng);
- Nguồn vốn: Nguồn vốn SXKD của Tổng công ty Điện lực miền Nam cấp cho Công ty CNTT Điện lực miền Nam;
- Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu: 90 ngày;
- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý III- năm 2026;
- Hình thức, phương thức lựa chọn nhà thầu:
 - ✓ *Hình thức lựa chọn nhà thầu:* Đấu thầu rộng rãi được áp dụng theo điều 21 của Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/06/2023.
 - ✓ *Phương thức lựa chọn nhà thầu:* Một giai đoạn một túi hồ sơ được áp dụng theo điều 30 của Luật đấu thầu 22/2023/QH15 ngày 23/06/2023;
- Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói;
- Thời gian thực hiện gói thầu: Trong vòng **410** ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, trong đó:
 - + Thời gian cấu hình giải pháp APN: trong vòng **27 ngày** kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
 - + Thời gian thực hiện kéo kênh truyền của các nhà mạng và triển khai cấu hình các kênh truyền cho giải pháp APN: trong vòng **27 ngày** kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
 - + Thời gian nghiệm thu đưa vào sử dụng (kênh truyền + APN): trong vòng **30 ngày** kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
 - + Thời gian thực hiện dịch vụ cấu hình SIM (tối thiểu 233.000 SIM và tối đa khoảng 260.000 SIM): Hoàn thành cấu hình toàn bộ danh mục SIM được Chủ đầu tư bàn giao bằng văn bản trong vòng **90 ngày** kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
 - + Thời gian nghiệm thu hoàn thành cấu hình SIM, đưa vào sử dụng: Trong vòng **104 ngày** kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực
 - + Thời gian thực hiện dịch vụ hướng dẫn sử dụng giải pháp APN: trong vòng **60 ngày** kể từ khi 2 bên ký Biên bản nghiệm thu xác nhận hoàn thành 60% hạng mục Thực hiện dịch vụ cấu hình SIM.

- + Mốc đánh giá tiến độ cấu hình SIM: **Sau 120 ngày**: nếu tỷ lệ SIM hoàn thành dưới 80% và do lỗi Nhà thầu, Chủ đầu tư có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng
- + Thuê kênh truyền và vận hành dịch vụ: **12 tháng** (kể từ Ngày nghiệm thu đưa vào sử dụng).
- + Thời hạn thanh toán:
 - **Đối với hạng mục Thuê kênh truyền phục vụ cho công tác thu thập công tơ đo xa qua modem:**
 - Chu kỳ thanh toán: sau mỗi 03 tháng tính từ ngày ký Biên bản nghiệm thu đưa vào sử dụng;
 - Giá trị thanh toán: mỗi kỳ bằng tổng giá trị các hạng mục thuê tương ứng với thời gian vận hành thực tế trong kỳ, sau khi đã trừ các khoản giảm trừ cước theo SLA (nếu có).
 - **Đối với dịch vụ cấu hình giải pháp APN:**
 - Thanh toán 100% giá trị trong vòng 45 ngày kể từ ngày ký Biên bản nghiệm thu hoàn tất hạng mục này và Nhà thầu giao đủ chứng từ thanh toán của hạng mục.
 - **Đối với dịch vụ cấu hình SIM:**
 - Đợt 1: thanh toán 60% giá trị hạng mục dịch vụ cấu hình SIM, trong vòng 45 ngày kể từ ngày ký Biên bản nghiệm thu hoàn tất 60% hạng mục dịch vụ cấu hình SIM;
 - Đợt 2: thanh toán 20% giá trị hạng mục dịch vụ cấu hình SIM, trong vòng 45 ngày kể từ ngày ký Biên bản nghiệm thu hoàn tất lũy kế 90% hạng mục dịch vụ cấu hình SIM;
 - Đợt 3: thanh toán 10% giá trị hạng mục dịch vụ cấu hình SIM, trong vòng 45 ngày kể từ ngày ký Biên bản nghiệm thu hoàn tất lũy kế 100% hạng mục dịch vụ cấu hình SIM;
 - Đợt 4: 10% giá trị còn lại hạng mục dịch vụ cấu hình SIM, thanh toán trong vòng 45 ngày kể từ ngày ký Biên bản nghiệm thu hoàn tất thời gian vận hành dịch vụ (12 tháng kể từ Ngày nghiệm thu đưa vào sử dụng) và hệ thống vận hành ổn định, không còn sự cố tồn đọng.
 - **Đối với dịch vụ hướng dẫn sử dụng giải pháp APN:**
 - Thanh toán 100% giá trị trong vòng 45 ngày kể từ khi nghiệm thu hoàn tất hợp đồng và Nhà thầu giao đủ chứng từ thanh toán.

II. Tổ chuyên gia

1. Cơ sở pháp lý thành lập tổ chuyên gia:

Tổ chuyên gia được Chi nhánh Tổng công ty Điện lực miền Nam TNHH – Công ty Công nghệ thông tin Điện lực miền Nam thành lập theo Quyết định số

364/QĐ-CNTTMN ký ngày 26/05/2025 để thực hiện lập E-HSMT/hồ sơ mời thầu gói thầu: “Thuê kênh truyền Private APN phục vụ cho công tác thu thập dữ liệu công tơ” thuộc dự án/dự toán mua sắm: “Thuê kênh truyền Private APN phục vụ cho công tác thu thập dữ liệu công tơ”.

2. Thành phần tổ chuyên gia:

*Số lượng, họ tên, chức vụ, vị trí và phân công công việc cụ thể của các thành viên trong tổ chuyên gia được nêu tại **Bảng số 01**.*

Bảng số 01

Stt	Họ và tên	Chức vụ, vị trí trong tổ chuyên gia	Phân công công việc của các thành viên
1	Nguyễn Hải Nam	Tổ trưởng	✓ Thực hiện các chức năng và điều hành công việc chung của Tổ chuyên gia. ✓ Điều phối, giao việc cho các thành viên có liên quan (nếu cần). ✓ Chịu trách nhiệm về hồ sơ mời thầu và kết quả đánh giá hồ sơ dự thầu do tổ thực hiện.
2	Trương Thanh Vũ	Thành viên	✓ Rà soát và kiểm tra về năng lực và kinh nghiệm của hồ sơ mời thầu ✓ Chịu trách nhiệm đánh giá về năng lực và kinh nghiệm; tài chính của hồ sơ dự thầu. ✓ Thực hiện công tác dưới sự phân công của Tổ trưởng.
3	Nguyễn Trọng Viết Đăng	Thành viên	✓ Chịu trách nhiệm đánh giá về tính hợp lệ của hồ sơ dự thầu. ✓ Thực hiện công tác dưới sự phân công của Tổ trưởng.
4	Nguyễn Bảo Minh	Thành viên	✓ Rà soát và kiểm tra về kỹ thuật của hồ sơ mời thầu. ✓ Chịu trách nhiệm đánh giá về kỹ thuật của hồ sơ dự thầu. ✓ Thực hiện công tác dưới sự phân công của Tổ trưởng.
5	Nguyễn Quốc Bảo	Thành viên	✓ Rà soát và kiểm tra về kỹ thuật của hồ sơ mời thầu. ✓ Chịu trách nhiệm đánh giá về kỹ thuật của hồ sơ dự thầu. ✓ Thực hiện công tác dưới sự phân công của Tổ trưởng.

Stt	Họ và tên	Chức vụ, vị trí trong tổ chuyên gia	Phân công công việc của các thành viên
6	Lữ Thị Hồng Liên	Thành viên	✓ Chịu trách nhiệm lập hồ sơ mời thầu. ✓ Thực hiện công tác dưới sự phân công của Tổ trưởng.

3. Cách thức làm việc của tổ chuyên gia:

Cách thức làm việc của Tổ chuyên gia được CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM TNHH - CÔNG TY CÔNG NGHỆ THÔNG TIN ĐIỆN LỰC MIỀN NAM quy định trong Quyết định số 364/QĐ-CNTTMN ký ngày 26/05/2025 để thực hiện lập E-HSMT/hồ sơ mời thầu gói thầu: “Thuê kênh truyền Private APN phục vụ cho công tác thu thập dữ liệu công tơ” thuộc dự án/dự toán mua sắm: “Thuê kênh truyền Private APN phục vụ cho công tác thu thập dữ liệu công tơ”.

III. NỘI DUNG E-HSMT/hồ sơ mời thầu

1. Tài liệu mẫu để chuẩn bị hồ sơ mời thầu (E-HSMT):

- Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/06/2023 của Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khoá XV thông qua tại kỳ họp thứ 5 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2024;
- Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ký ngày 04/8/2025 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;
- Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/08/2025 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;
- Mẫu Hồ sơ mời thầu (Mẫu số 05A) ban hành theo Thông tư số 79/2025/BTC ngày 04/08/2025 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

2. Ngôn ngữ:

- E-HSMT: Tiếng Việt.
- E-HSDT: Tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu bổ trợ có thể được viết bằng tiếng Anh và tiếng Việt.
- Hợp đồng: Tiếng Việt.

3. Hiệu lực E-HSDT: 90 ngày kể từ ngày mở thầu

4. Bảo đảm dự thầu: có giá trị 44.896.500 VND, có hiệu lực 120 ngày kể từ thời điểm đóng thầu.

5. Phạm vi cung cấp của gói thầu:

STT	Nội dung yêu cầu	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp dịch vụ thuộc gói thầu	Thời gian thực hiện gói thầu	Ghi chú
1	Thuê kênh truyền phục vụ cho công tác thu thập công tơ đo xa qua modem: Thuê kênh truyền Viettel: + 01 Kênh truyền Viettel băng thông 140Mbps, + Kèm 01 kênh Viettel dự phòng băng thông 140Mbps	Gói	01	Theo yêu cầu kỹ thuật và tiêu chuẩn đánh giá chi tiết	Trong vòng 410 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, trong đó: *	
2	Thuê kênh truyền phục vụ cho công tác thu thập công tơ đo xa qua modem: Thuê kênh truyền Vinaphone: + 01 Kênh truyền Vinaphone băng thông 70Mbps, + Kèm 01 kênh Vinaphone dự phòng băng thông 70Mbps	Gói	01	Theo yêu cầu kỹ thuật và tiêu chuẩn đánh giá chi tiết		
3	Thuê kênh truyền phục vụ cho công tác thu thập công tơ đo xa qua modem: Thuê kênh truyền Mobifone: + 01 Kênh truyền Mobifone băng thông 40Mbps, + Kèm 01 kênh Mobifone dự phòng băng thông 40Mbps	Gói	01	Theo yêu cầu kỹ thuật và tiêu chuẩn đánh giá chi tiết		
4	Thuê kênh truyền phục vụ cho công tác thu thập công tơ đo xa qua modem: Thuê 02 bộ Switch layer 3 để phục vụ kết nối đa nhà mạng và Kết nối với hệ thống Firewall của Chủ đầu tư	Gói	01	Theo yêu cầu kỹ thuật và tiêu chuẩn đánh giá chi tiết		
5	Gói dịch vụ triển khai: Thực hiện dịch vụ cấu hình giải pháp APN: + Bao gồm cấu hình các kênh truyền tại Mục I để triển khai giải pháp APN cho Chủ đầu tư. + Bao gồm cấu hình 02 switch layer thuê theo dự án này với mô hình HA để kết nối đa nhà mạng với giải pháp APN. + Bao gồm cấu hình kết nối các switch layer thuê theo dự án này với	Gói	01	Theo yêu cầu kỹ thuật và tiêu chuẩn đánh giá chi tiết		

STT	Nội dung yêu cầu	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp dịch vụ thuộc gói thầu	Thời gian thực hiện gói thầu	Ghi chú
	firewall của Chủ đầu tư. + Bao gồm đầy đủ vật tư, phụ kiện kết nối (Module quang SFP/SFP+, dây nhảy quang...) đảm bảo hệ thống vận hành đồng bộ. + Điều phối, hỗ trợ kỹ thuật và chuẩn hóa cấu hình đầu cuối trên toàn hệ thống. + Thời gian triển khai tối đa 30 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực.					
6	Gói dịch vụ triển khai: Thực hiện dịch vụ cấu hình SIM: Khai báo và chuyển đổi danh mục SIM hiện hữu của Chủ đầu tư (dự kiến tổng số SIM cần triển khai của dự án tối thiểu 233.000 SIM và tối đa khoảng 260.000 SIM, số liệu chuẩn xác do Chủ đầu tư chịu trách nhiệm) vào hệ thống Private APN. + Bao gồm phối hợp với các nhà mạng và Công ty Điện lực sở hữu SIM để thực hiện khai báo địa chỉ IP tĩnh cho các SIM khai báo chuyển đổi. + Thời gian triển khai tối đa 90 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực.	Gói	01	Theo yêu cầu kỹ thuật và tiêu chuẩn đánh giá chi tiết		
7	Gói dịch vụ triển khai: Dịch vụ hướng dẫn sử dụng giải pháp APN	Gói	01	Theo yêu cầu kỹ thuật và tiêu chuẩn đánh giá chi tiết		

(*): Thời gian thực hiện gói thầu:

Trong vòng **410** ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, trong đó:

- + Thời gian cấu hình giải pháp APN: trong vòng **27 ngày** kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
- + Thời gian thực hiện kéo kênh truyền của các nhà mạng và triển khai cấu hình các kênh truyền cho giải pháp APN: trong vòng **27 ngày** kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

- + Thời gian nghiệm thu đưa vào sử dụng (kênh truyền + APN): trong vòng **30 ngày** kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
- + Thời gian thực hiện dịch vụ cấu hình SIM (tối thiểu 233.000 SIM và tối đa khoảng 260.000 SIM): Hoàn thành cấu hình toàn bộ danh mục SIM được Chủ đầu tư bàn giao bằng văn bản trong vòng **90 ngày** kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
- + Thời gian nghiệm thu hoàn thành cấu hình SIM, đưa vào sử dụng: Trong vòng **104 ngày** kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực
- + Thời gian thực hiện dịch vụ hướng dẫn sử dụng giải pháp APN: trong vòng **60 ngày** kể từ khi 2 bên ký Biên bản nghiệm thu xác nhận hoàn thành 60% hạng mục Thực hiện dịch vụ cấu hình SIM.
- + Mốc đánh giá tiến độ cấu hình SIM: **Sau 120 ngày**: nếu tỷ lệ SIM hoàn thành dưới 80% và do lỗi Nhà thầu, Chủ đầu tư có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng
- + Thuê kênh truyền và vận hành dịch vụ: **12 tháng** (kể từ Ngày nghiệm thu đưa vào sử dụng).
- + Thời hạn thanh toán:
 - **Đối với hạng mục Thuê kênh truyền phục vụ cho công tác thu thập công tơ đo xa qua modem:**
 - Chu kỳ thanh toán: sau mỗi 03 tháng tính từ ngày ký Biên bản nghiệm thu đưa vào sử dụng;
 - Giá trị thanh toán: mỗi kỳ bằng tổng giá trị các hạng mục thuê tương ứng với thời gian vận hành thực tế trong kỳ, sau khi đã trừ các khoản giảm trừ cước theo SLA (nếu có).
 - **Đối với dịch vụ cấu hình giải pháp APN:**
 - Thanh toán 100% giá trị trong vòng 45 ngày kể từ ngày ký Biên bản nghiệm thu hoàn tất hạng mục này và Nhà thầu giao đủ chứng từ thanh toán của hạng mục.
 - **Đối với dịch vụ cấu hình SIM:**
 - Đợt 1: thanh toán 60% giá trị hạng mục dịch vụ cấu hình SIM, trong vòng 45 ngày kể từ ngày ký Biên bản nghiệm thu hoàn tất 60% hạng mục dịch vụ cấu hình SIM;
 - Đợt 2: thanh toán 20% giá trị hạng mục dịch vụ cấu hình SIM, trong vòng 45 ngày kể từ ngày ký Biên bản nghiệm thu hoàn tất lũy kế 90% hạng mục dịch vụ cấu hình SIM;
 - Đợt 3: thanh toán 10% giá trị hạng mục dịch vụ cấu hình SIM, trong vòng 45 ngày kể từ ngày ký Biên bản nghiệm thu hoàn tất lũy kế 100% hạng mục dịch vụ cấu hình SIM;

- Đợt 4: 10% giá trị còn lại hạng mục dịch vụ cấu hình SIM, thanh toán trong vòng 45 ngày kể từ ngày ký Biên bản nghiệm thu hoàn tất thời gian vận hành dịch vụ (12 tháng kể từ Ngày nghiệm thu đưa vào sử dụng) và hệ thống vận hành ổn định, không còn sự cố tồn đọng.
- **Đối với dịch vụ hướng dẫn sử dụng giải pháp APN:**
 - Thanh toán 100% giá trị trong vòng 45 ngày kể từ khi nghiệm thu hoàn tất hợp đồng và Nhà thầu giao đủ chứng từ thanh toán.

6. Đánh giá kinh nghiệm và năng lực của nhà thầu:

- Lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu: Từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có từ 02 hợp đồng trở lên (cung cấp dịch vụ phi tư vấn) không hoàn thành do lỗi của nhà thầu.
- Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 03 năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu của nhà thầu có giá trị tối thiểu là **4.081.500.000 VND**.
- Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự: Nhà thầu đã hoàn thành tối thiểu 01 hợp đồng tương tự với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) hoặc nhà thầu phụ trong khoảng thời gian kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến thời điểm đóng thầu.

Trong đó hợp đồng tương tự là:

- Có tính chất tương tự: tính chất tương tự gói thầu đang xét:
 - + Có ít nhất 01 hợp đồng đã hoàn thành cung cấp đầy đủ các hạng mục tương tự có giá trị đáp ứng tối thiểu **897.930.000 VND** hoặc:
 - + Có các hạng mục công việc tương tự đã thực hiện trong các hợp đồng khác nhau (hợp đồng có thể đã hoàn thành hoặc đang thực hiện, chưa nghiệm thu, thanh lý) hoặc trong một hợp đồng (hợp đồng chưa hoàn thành) và bảo đảm tổng giá trị của từng hạng mục công việc tương tự đã thực hiện đáp ứng tối thiểu 30% giá trị của từng hạng mục công việc tương ứng trong gói thầu đang xét và tổng giá trị các hạng mục đã thực hiện phải đáp ứng tối thiểu **897.930.000 VND**. Được cộng gộp giá trị của hạng mục tương tự trong các hợp đồng khác nhau để xác định tổng giá trị hạng mục tương tự đáp ứng yêu cầu mà không yêu cầu giá trị của hạng mục tương tự trong mỗi hợp đồng phải đáp ứng tối thiểu 30% giá trị hạng mục của gói thầu đang xét.

❖ Ghi chú:

Tài liệu chứng minh Hợp đồng: (Tất cả tài liệu chứng minh phải là bản phô tô có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền):

1. Đối với hợp đồng đã hoàn thành toàn bộ nhà thầu cung cấp tài liệu sau:

- Hợp đồng;
- Hóa đơn;
- Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình hoặc tài liệu tương đương;
- Biên bản thanh lý (nếu hợp đồng tự thanh lý thì không cần có biên bản thanh lý).

2. Đối với Hợp đồng đang thực hiện, chưa nghiệm thu-thanh lý, nhà thầu cung cấp tài liệu sau: nhà thầu cung cấp tài liệu sau:

- Hợp đồng;
- Chứng từ thanh toán của chủ đầu tư hoặc hóa đơn hợp lệ của nhà thầu cho khối lượng đã hoàn thành;
- Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành theo phần tương ứng hoặc biên bản xác nhận khối lượng hoàn thành công trình của Chủ đầu tư.

3. Đối với các hợp đồng mà nhà thầu tham gia với tư cách thành viên liên danh hoặc nhà thầu phụ, chỉ giá trị công việc do Nhà thầu thực hiện sẽ được xem xét khi đánh giá năng lực kinh nghiệm cho gói thầu. nhà thầu phải cung cấp tài liệu chứng minh khối lượng công việc do Nhà thầu thực hiện trong hợp đồng với tư cách là thành viên liên danh hoặc nhà thầu phụ.

4. Trong trường hợp cần thiết, Chủ đầu tư/Bên mời thầu sẽ kiểm tra tính xác thực của hợp đồng tương tự (nhằm tránh tình trạng tạo năng lực ảo gây tình trạng không công bằng trong đấu thầu). Chủ đầu tư/Bên mời thầu có quyền kiểm tra bằng các hình thức sau:

- Đối chiếu bản gốc hợp đồng kê khai và các hồ sơ liên quan.
- Xác nhận thông tin của Chủ đầu tư đã ký hợp đồng tương tự mà Nhà thầu kê khai trong HSDT (nếu cần).
- Kiểm tra thực tế địa điểm lắp đặt thiết bị hàng hóa trong Hợp đồng tương tự. Nhà thầu phải có trách nhiệm tổ chức việc đi kiểm tra hiện trường theo yêu cầu của Chủ đầu tư/ Bên mời thầu.

* Nếu nhà thầu từ chối hợp tác với Chủ đầu tư/Bên mời thầu trong việc xác thực, kiểm tra các thông tin nêu trên, E-HSDT của Nhà thầu sẽ bị đánh giá không đáp ứng.

- Có quy mô (giá trị) tối thiểu **897.930.000 VNĐ**.

Trường hợp gói thầu có nhiều loại dịch vụ khác nhau thì việc đưa ra yêu cầu về hợp đồng tương tự được thực hiện theo Bảng Y

7. Đánh giá về kỹ thuật: Áp dụng phương pháp đánh giá theo tiêu chí “đạt” và “không đạt”.

8. Đánh giá chi tiết về tài chính: Phương pháp giá thấp nhất.

9. Bảo lãnh thực hiện hợp đồng:

- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 03% giá hợp đồng.

- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: Nhà thầu cung cấp một bảo đảm thực hiện hợp đồng trước khi hợp đồng có hiệu lực, theo hình thức thư bảo lãnh do Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành và phải là bảo đảm không có điều kiện, không hủy ngang (trả tiền khi có yêu cầu theo, Mẫu số 18 Phần 4. Biểu mẫu hợp đồng).

- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến hết ngày thứ 28 sau khi Bên bán hoàn tất thời gian giao hàng cuối cùng bao gồm thời gian giao hàng trễ cho phép và Bên Mua nhận được Bảo lãnh bảo hành.

- Trường hợp bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực trước ngày quy định nêu trên nhưng Bên B vẫn chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng, Bên B sẽ chịu trách nhiệm gia hạn hiệu lực bảo đảm thực hiện hợp đồng và thanh toán chi phí cho việc gia hạn này.

- Trường hợp Bên B là nhà thầu là liên danh thì từng thành viên phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên A, mức bảo đảm tương ứng với phần giá trị hợp đồng mà mỗi thành viên thực hiện. Nếu liên danh có thỏa thuận nhà thầu đứng đầu liên danh nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị là 03% giá trị của hợp đồng cho Bên A và từng thành viên liên danh phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho nhà thầu đứng đầu liên danh tương ứng với giá trị hợp đồng do mình thực hiện.

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Bên B phải đảm bảo giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng là 03% giá trị của hợp đồng đối với mọi trường hợp.

- Tịch thu bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho các trường hợp sau:

- Bên B từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng đã có hiệu lực.
 - Bên B vi phạm thỏa thuận hợp đồng.
 - Bên B thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.
 - Bên B không gia hạn bảo lãnh đúng hạn theo quy định của Hợp đồng.
- Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh.

- Nếu Bên B chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng tại thời điểm 28 ngày trước ngày Bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực thì Bên B phải gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị, hiệu lực phù hợp với quy định như trên và nộp cho Bên A trước thời điểm hết hiệu lực của Bảo đảm thực hiện hợp đồng tối thiểu 21 ngày.

- Trường hợp Dự án được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng mà vẫn còn các tồn tại mà Bên B phải khắc phục thì Bên B phải gia hạn bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

- Bản sao của Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được sao y bởi bởi Ngân hàng hoặc hoặc tổ chức tín dụng phát hành hoặc sao y bản chính còn hiệu lực.

10. Tạm ứng: Không áp dụng.

11. Phương thức thanh toán:

- Hình thức thanh toán: chuyển khoản
- Đồng tiền thanh toán: Đồng Việt Nam.
- Thời hạn thanh toán:

✓ **Đối với hạng mục Thuê kênh truyền phục vụ cho công tác thu thập công tơ đo xa qua modem:**

- + Chu kỳ thanh toán sau mỗi 03 tháng tính từ thời điểm nghiệm thu đưa vào sử dụng, giá trị thanh toán bằng tổng giá trị 04 hạng mục thuê tương ứng với thời gian vận hành thực tế trong kỳ.

Hồ sơ thanh toán:

❖ Đợt 1:

- + Văn bản yêu cầu thanh toán của Bên B;
- + Bảo lãnh thực hiện hợp đồng;
- + Hóa đơn GTGT do Bên B lập;
- + Biên bản nghiệm thu vận hành thử hệ thống;
- + **Biên bản giao nhận thiết bị, hạ tầng thuê giữa Bên A và Bên B;**
- + Biên bản xác nhận khối lượng công việc

❖ Đợt 2, đợt 3:

- + Văn bản yêu cầu thanh toán của Bên B;
- + Hóa đơn GTGT do Bên B lập;
- + Biên bản xác nhận khối lượng công việc.

❖ Đợt 4:

- + Văn bản yêu cầu thanh toán của Bên B;
- + Hóa đơn GTGT do Bên B lập;
- + Biên bản xác nhận khối lượng công việc.
- + Biên bản nghiệm hu hợp đồng.
- ✓ **Đối với dịch vụ cấu hình giải pháp APN:**
 - + Văn bản yêu cầu thanh toán của Bên B;
 - + Hóa đơn GTGT do Bên B lập;
 - + **Biên bản giao nhận thiết bị, hạ tầng thuê giữa Bên A và Bên B;**
 - + Biên bản xác nhận khối lượng công việc.
- ✓ **Đối với dịch vụ cấu hình SIM:**
 - ❖ Đợt 1: 60% giá trị tương ứng 60% danh mục SIM bàn giao.
 - + Văn bản yêu cầu thanh toán của Bên B;
 - + Hóa đơn GTGT do Bên B lập;
 - + Biên bản xác nhận khối lượng công việc.
 - ❖ Đợt 2: 20% giá trị tương ứng 90% danh mục SIM bàn giao.
 - + Văn bản yêu cầu thanh toán của Bên B;
 - + Hóa đơn GTGT do Bên B lập;
 - + Biên bản xác nhận khối lượng công việc.
 - ❖ Đợt 3: 10% giá trị tương ứng 100% danh mục SIM bàn giao.
 - + Văn bản yêu cầu thanh toán của Bên B;
 - + Hóa đơn GTGT do Bên B lập;
 - + Biên bản xác nhận khối lượng công việc.
 - ❖ Đợt 4: 10% giá trị còn lại sau 12 tháng vận hành ổn định kể từ ngày nghiệm thu hệ thống đưa vào sử dụng.
 - + Văn bản yêu cầu thanh toán của Bên B;
 - + Hóa đơn GTGT do Bên B lập;
 - + Biên bản xác nhận khối lượng công việc.
- ✓ **Đối với dịch vụ hướng dẫn sử dụng giải pháp APN:**
 - + Văn bản yêu cầu thanh toán của Bên B;
 - + Hóa đơn GTGT do Bên B lập;
 - + **Biên bản xác nhận đào tạo và chuyển giao công nghệ.**
 - + Phiếu điểm danh.

Trong trường hợp Bên B phải bồi thường cho Bên A thì Bên A có quyền khấu trừ tiền bồi thường vào đợt thanh toán cho Bên B.

12. Giảm trừ thanh toán:

Các trường hợp gián đoạn liên lạc do nhà cung cấp không đảm bảo về yêu cầu về chất lượng dịch vụ truyền riêng APN, bên nhà cung cấp sẽ giảm trừ cước trong thời gian gián đoạn cụ thể như sau:

- Nhà thầu cam kết mức giảm trừ cước 1% cước/tháng đối với 60 phút $\leq$ thời gian gián đoạn $\leq$ 180 phút.
- Nhà thầu cam kết mức giảm trừ cước 2% cước/tháng đối với 180 phút $<$ thời gian gián đoạn $\leq$ 300 phút.
- Nhà thầu cam kết mức giảm trừ cước 4% cước/tháng đối với 300 phút $<$ thời gian gián đoạn $\leq$ 600 phút.
- Nhà thầu cam kết mức giảm trừ cước 8% cước/tháng đối với 600 phút $<$ thời gian gián đoạn.

13. Thời gian áp dụng giảm trừ cước:

- Các mức giảm trừ cước vận hành được áp dụng ngay từ thời điểm nghiệm thu đưa vào sử dụng các đường truyền được thuê.
- Việc giảm trừ được thực hiện vào kỳ thanh toán cước thuê tương ứng của tháng có gián đoạn.

14. Đánh giá chất lượng dịch vụ Phi tư vấn:

Thời gian xử lý sự cố (MTTR)

- Nhà thầu cam kết xử lý sự cố kênh truyền do lỗi logic $\leq$ 02 giờ.
- Nhà thầu cam kết xử lý sự cố kênh truyền do lỗi truyền dẫn vật lý $\leq$ 04 giờ.
- Nhà thầu cam kết xử lý sự cố thiết bị: khắc phục hoặc thay thế thiết bị khác trong vòng 04 giờ.
- Đáp ứng đầy đủ theo Chương V - Yêu cầu kỹ thuật.

Các chi phí liên quan đến dịch vụ xử lý sự cố: Bên Bán chịu.

15. Luật áp dụng:

Hợp đồng được hiểu và áp dụng theo pháp luật hiện hành của nước Cộng Hòa Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam

16. Giải quyết tranh chấp:

- Thời gian để tiến hành hòa giải: Trong vòng 30 ngày kể từ khi nhận được văn bản khiếu nại của bên mua hoặc bên bán.

- Giải quyết tranh chấp: Tối đa là 30 ngày Bên bán và Bên mua có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải. Nếu qua thương lượng, hai bên không giải quyết được thì thống nhất đưa ra giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền.

- Chi phí cho giải quyết tranh chấp bao gồm án phí và mọi chi phí có liên quan đến việc giải quyết tranh chấp, bao gồm cả chi phí luật sư (nếu có) do Bên thua kiện chịu.

17. Ý kiến bảo lưu của thành viên tổ chuyên gia: Không có